

**UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **468** /STNMT-KHTC

Điện Biên, ngày **23** tháng 5 năm 2019

V/v đề nghị phối hợp triển khai hệ thống dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3,4 tỉnh Điện Biên.

Kính gửi: Sở Thông tin truyền thông

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được văn bản số 578/STTTT-KHTC ngày 17/5/2019 của Sở Thông tin truyền thông về việc phối hợp triển khai hệ thống dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3,4 tỉnh Điện Biên.

Sau khi rà soát, Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp Danh sách thủ tục hành chính cần xử lý liên thông ( Chi tiết theo Biểu mẫu 01) và Danh sách cán bộ tham gia tập huấn sử dụng phần mềm ( Chi tiết theo Biểu mẫu 02) gửi Sở Thông tin truyền thông tổng hợp <sup>(1)</sup>./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo sở;
- Lưu: VT.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Ngôn Ngọc Khuê**

<sup>(1)</sup> Đầu mối liên hệ đồng chí Bùi Thị Hồng Xuyên- Sở Tài nguyên và Môi trường; ĐT : 0942 986 016

**DANH SÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo công văn số 468 /STNMT-KHTC ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Biểu mẫu 01

STT	Danh mục TTHC thực hiện dịch vụ công	Tên Cơ quan đơn vị liên thông	Ghi chú
1	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	UBND tỉnh	
2	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	UBND tỉnh	
3	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	UBND tỉnh	
4	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	UBND tỉnh	
5	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m <sup>3</sup> /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m <sup>3</sup> /ngày đêm;	UBND tỉnh	
6	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m <sup>3</sup> /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m <sup>3</sup> /ngày đêm.	UBND tỉnh	
7	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với các hoạt động khác	UBND tỉnh	
8	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với các hoạt động khác	UBND tỉnh	
9	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	UBND tỉnh	
10	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	UBND tỉnh	
11	Lấy ý kiến cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyên nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh	UBND tỉnh	
12	Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	UBND tỉnh	
13	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề	UBND tỉnh	

	khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ		
14	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi	UBND tỉnh	
15	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	UBND tỉnh	
16	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	UBND tỉnh	
17	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	UBND tỉnh	
18	Khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	UBND tỉnh	
19	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản	UBND tỉnh	
20	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản	UBND tỉnh	
21	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	UBND tỉnh	
22	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	UBND tỉnh	
23	Thăm dò nâng cấp trữ lượng trong khu vực khai thác khoáng sản	UBND tỉnh	
24	Thay đổi phương pháp thăm dò, khối lượng thăm dò	UBND tỉnh	
25	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	UBND tỉnh	
26	Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản	UBND tỉnh	
27	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	UBND tỉnh	
28	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	UBND tỉnh	
29	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	UBND tỉnh	
30	Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản	UBND tỉnh	
31	Đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	UBND tỉnh	
32	Đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình	UBND tỉnh	
33	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	UBND tỉnh	
34	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	UBND tỉnh	
35	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	UBND tỉnh	
36	Thẩm định, phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	UBND tỉnh	
37	Phê duyệt, nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản	UBND tỉnh	
38	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	UBND tỉnh	
39	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	UBND tỉnh	

40	Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	UBND tỉnh, Thuế	
41	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.	UBND tỉnh	
42	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.	UBND tỉnh	
43	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép cơ quan có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.	UBND tỉnh	
44	Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.	UBND tỉnh	
45	Thu hồi đất do chậm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.	UBND tỉnh	
46	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.	UBND tỉnh	
47	Thẩm định phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp.	UBND tỉnh	
48	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	UBND tỉnh	
49	Cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án.	UBND tỉnh	
50	Chấp thuận việc điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường liên quan đến phạm vi, quy mô, công suất, công nghệ sản xuất, các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án	UBND tỉnh	

51	Chấp thuận tách đầu nối khỏi hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và tự xử lý nước thải phát sinh.	UBND tỉnh	
52	Chấp thuận điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, danh mục ngành nghề trong khu công nghiệp	UBND tỉnh	
53	Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất đối với tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	UBND tỉnh	
54	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận hết hạn)	UBND tỉnh	
55	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận bị mất hoặc hư hỏng)	UBND tỉnh	
56	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt)	UBND tỉnh	
57	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt)	UBND tỉnh	
58	Xác nhận hoàn thành từng phần Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản	UBND tỉnh	
59	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt)	UBND tỉnh	
60	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt)	UBND tỉnh	

**DANH SÁCH CÁN BỘ THAM GIA ĐÀO TẠO TẬP HUẤN SỬ DỤNG  
HỆ THỐNG DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TRỰC TUYẾN**

**Tên cơ quan/ đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường**

( Kèm theo công văn số 468 /STNMT-KHTC ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Tên cq, đv, phòng ban	Chức vụ	Điện thoại liên hệ	Ghi chú
1	Nguyễn Bá Huân	1984	Nam	Phòng KHTC	Phó phòng KHTC	0911 028 568	
2	Nguyễn Hữu Cử	1988	Nam	Văn phòng Sở	Chuyên viên	0977 703 999	
3	Bùi Thị Hồng Xuyên	1986	Nữ	Phòng KH-TC	Chuyên viên	0942 986 016	
4	Trần Thị Phương	1977	Nữ	Phòng Thanh Tra	Chuyên viên	0987 299 796	
5	Nguyễn Duy Thịnh	1993	Nam	Phòng TNN, KTTV&BD KH	Chuyên viên	0939 886 863	
6	Nguyễn Duy Hoàng	1992	Nam	Phòng Khoáng sản	Chuyên viên	0915 598 282	
7	Lê Thị Liễu	1988	Nữ	Phòng ĐDBĐ&VT	Chuyên viên	0984 670 003	
8	Lưu Xuân Trọng	1982	Nam	Chi cục Bảo vệ môi trường	Phó phòng TH&ĐGTD MT	0982 098 664	
9	Lê Thị Trang	1988	Nữ	Chi cục Quản lý đất đai	Chuyên viên	0915 714 288	
10	Lò Thị Lan	1986	Nữ	Văn phòng Đăng ký đất đai	Phó Trưởng phòng HCTH	0978 408 386	
11	Trần Ngọc Phan	1983	Nam	Trung tâm CNTT&MT	Trưởng phòng HCTH	0912 369 008	
12	Đoàn Thị Hương	1977	Nữ	Trung tâm CNTT&MT	Phó phòng KTCN	0856 182 888	
13	Khúc Ngọc Hà	1991	Nữ	Trung tâm CNTT&MT	Viên chức	0836 567 686	
14	Đỗ Thúy An	1986	Nữ	Trung tâm CNTT&MT	Viên chức	0948 101 986	